

Bản án số: 333/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 05 - 8 - 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Bùi Xuân Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Bà Cao Thị M, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Vào năm 2001 ông A và bà M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2001, Nguyễn Hồng N, sinh năm 2002 và Nguyễn Hồng N1, sinh 12/4/2011 (Cháu Đ và cháu N đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Ông A yêu cầu ly hôn với bà M. Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy ông **A** và bà **M** tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng ông **A** và bà **M** không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ); khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của LHNGĐ (Thông tư số: 01) không công nhận ông **A** và bà **M** là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] *Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy cháu **N1** đã từ đủ 07 tuổi trở lên và nguyện vọng của cháu là được sống với ông **A**, đồng thời ông **A** không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần tiếp tục giao cháu cho ông **A** tiếp tục trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 LHNGĐ. Bà **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; bà **M** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với ông **A**; nếu bà **M** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông **A** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 LHNGĐ; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.



[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông **A** không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông **A**, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà **M** không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **A** cho rằng tài sản chung và nợ chung tự thoả thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **M** về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phân tài sản chung và nợ chung giữa ông **A** và bà **M**. Do đó, cần tách phân tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **A** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số: 326). Ông **A** đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 LHNGĐ; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Hoàng A**.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông **Nguyễn Hoàng A** và bà **Cao Thị M** là vợ chồng.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho ông **Nguyễn Hoàng A** trực tiếp nuôi dạy cháu **Nguyễn Hồng N1**, sinh 12/4/2011. Bà **Cao Thị M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà **M** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với ông **A**; nếu bà **M** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông **A** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà **Cao Thị M** không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Hoàng A** phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông **Nguyễn Hoàng A** đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004919 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này

trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND Khánh Bình Đông;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Huỳnh Hải**